

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
HỆ ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHÓA 7**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
1	1171020001	Ngô Thùy An	24/06/1993	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M
2	1171020003	Đặng Thị Lan Anh	13/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6.3	6	6.1	6	3	4.2	7.8	5.5	6.4
3	1171020004	Loan Châu Ngọc Anh	30/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	5.7	5	5.2	2.3	2	2.1	6	4.5	5.1
4	1171020006	Nguyễn Thị Kim Cúc	08/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6.3	5	5.4	3.8	2	2.7	5.9	5	5.4
5	1171020007	Ngô Xuân Diễm	06/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	1.7		0.5	4	3	3.4	6.8	5.5	6
6	1171020008	Huỳnh Ngọc Đức	15/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	4.3	6	5.5	4.3	3	3.5	5.3	5.5	5.4
7	1171020009	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	5	6	5.7	3.8	3	3.3	7	5.5	6.1
8	1171020012	Trương Thị Nguyên Hạnh	19/11/1999	QUẢNG BÌNH	DH07SHO1	3	4.7	5	4.9	4.8	2	3.1	7.1	5	5.8
9	1171020013	Lê Thị Mỹ Hạnh	29/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	7	5	5.6	5.5	2	3.4	7.1	5	5.8
10	1171020014	Nguyễn Vũ Hồng Hạnh	06/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	5.3	7	6.5	4.5	5	4.8	5.3	8	6.9
11	1171020015	Nguyễn Phúc Thái Hòa	07/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6.7	6	6.2	5.3	2	3.3	6.5	2.5	4.1
12	1171020017	Hoàng Thị Hồng	17/01/1999	THANH HÓA	DH07SHO1	3	8	7	7.3	6	5	5.4	8.3	8.5	8.4
13	1171020018	Nguyễn Thị Diễm Hồng	23/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	5.7	7	6.6	4.5	5	4.8	5.8	4	4.7
14	1171020019	Nguyễn Thị Hồng	14/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6.7	7	6.9	5.3	5	5.1	6.4	7	6.8
15	1171020021	Nguyễn Việt Hùng	07/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6.3	6	6.1	5	4	4.4	8.5	7.5	7.9
16	1171020022	Trần Nguyễn Quang Huy	08/04/1999	TP. HCM	DH07SHO1	3	2.3	6	4.9	5.8	2	3.5	6.3	2.5	4
17	1171020023	Nguyễn Minh Kha	27/01/1999	TP. HCM	DH07SHO1	3	7.7	6	6.5	4	3	3.4	7.4	6.5	6.9
18	1171020026	Trần Thị Ngọc Linh	20/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	5	5	5	4	2	2.8	6.6	6	6.2
19	1171020028	Nguyễn Đức Linh	29/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	2.3	5	4.2	6.8	5	5.7	8.3	8.5	8.4
20	1171020029	Phạm Diệu Linh	30/05/1998	HẢI DƯƠNG	DH07SHO1	3	5.3	5	5.1	4.3	2	2.9	7.3	5.5	6.2
21	1171020031	Phạm Thị Loan	25/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	3	5	4.4	7.3	5	5.9	8.9	10	9.6
22	1171020033	Nguyễn Thị Ánh Minh	02/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	7.7	6	6.5	6.3	5	5.5	7.3	10	8.9
23	1171020034	Hoàng Thị Hồng Nga	09/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	7.7	6	6.5	5	5	5	7.6	5	6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
24	1171020035	Trương Thanh Ngân	23/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6.3	6	6.1	5.8	2	3.5	6.6	2.5	4.1
25	1171020036	Hồ Thị Yến Nhi	30/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	4	4	4	4.5	3	3.6	4.8	5	4.9
26	1171020038	Đỗ Mai Xuân Phước	19/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	8	5	5.9	6.3	6	6.1	8.8	8	8.3
27	1171020040	Nguyễn Văn Sơn	09/11/1999	TP. HCM	DH07SHO1	3	2	3	2.7	3.5	4	3.8	7.9	5	6.2
28	1171020043	Nguyễn Thị Xuân Thu	18/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	4	4	4	6.3	5	5.5	7.6	5	6
29	1171020044	Trần Anh Thư	07/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	2.3	4	3.5	2.8	2	2.3	6.9	3.5	4.9
30	1171020050	Nguyễn Thị Mai Trâm	15/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6	5	5.3	5.8	4	4.7	7.5	6	6.6
31	1171020051	Tào Quỳnh Trang	25/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	6.7	5	5.5	5	2	3.2	7.3	5	5.9
32	1171020053	Trần Nguyên Trực	16/06/1999	QUẢNG NGÃI	DH07SHO1	3	7.3	6	6.4	7.8	8	7.9	8	6	6.8
33	1171020054	Đinh Bội Tú	06/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	7.3	8	7.8	5.5	5	5.2	7.9	8	8
34	1171020055	Hồ Nguyên Tuệ	07/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	4.7	7	6.3	5.8	3	4.1	6.6	3.5	4.7
35	1171020056	Lê Trọng Tuyên	16/04/1999	THANH HÓA	DH07SHO1	3	5.7	7	6.6	6	3	4.2	8.6	9	8.8
36	1171020057	Nguyễn Thị Tường Vi	20/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	3.7	6	5.3	4.8	5	4.9	7.6	9	8.4
37	1171020059	Nguyễn Thị Thảo Vy	21/01/1999	BR - VT	DH07SHO1	3	4.3	7	6.2	6.8	3	4.5	5.3	4	4.5
38	1171020060	Lý Thị Kiều Trinh	11/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SHO1	3	3.3	6	5.2		3	1.8	7.1	5	5.8
39	1171030001	Nguyễn An Bảo	14/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	9.7	8	8.5	6.5	7	6.8	6.8	3.5	4.8
40	1171030003	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	20/08/1999	VĨNH LONG	DH07SLY1	3	8.7	7	7.5	6	5	5.4	5.3	4	4.5
41	1171030004	Hoàng Huy Hiền	21/081998	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	6.3	7	6.8	6	6	6	7.5	7.5	7.5
42	1171030006	Trần Hải Hưng	11/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	9.7	7	7.8	7.8	8	7.9	6.8	7.5	7.2
43	1171030007	Nguyễn Thanh Hường	06/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	7.7	5	5.8	4.3	2	2.9	6.3	5	5.5
44	1171030009	Phạm Thúy Huỳnh	05/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	8.7	5	6.1	6.3	4	4.9	6.8	5	5.7
45	1171030010	Vũ Minh Khánh	12/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	8	8	8	8.3		3.3	6.5	6.5	6.5
46	1171030011	Trần Thị Lan	05/05/1999	BẮC GIANG	DH07SLY1	3	8	6	6.6	5.8	2	3.5	6	5	5.4
47	1171030012	Vũ Thị Xuân Ly	25/11/1997	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	7.3	6	6.4	6.8	2	3.9	7.3	8.5	8
48	1171030013	Nguyễn Khoa Nam	29/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	9.3	8	8.4	6.8	7	6.9	7.3	10	8.9
49	1171030015	Bùi Thị Thảo Ngân	02/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	8.3	8	8.1	6	6	6	5	3.5	4.1
50	1171030018	Nguyễn Hoàng Phúc	12/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	8	6	6.6	7.8	4	5.5	7	4.5	5.5
51	1171030019	La Thuận Phước	18/07/1999	TP. HCM	DH07SLY1	3	10	8	8.6	9.3	8	8.5	8.3	8.5	8.4
52	1171030020	Huỳnh Hải Quỳnh	16/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	8	7	7.3	5.3	5	5.1	6.3	2.5	4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
53	1171030021	Nguyễn Quang Thạch	06/12/1998	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	8.7	8	8.2	8.5		3.4	7.5	2	4.2
54	1171030023	Nguyễn Hoàng Anh Thư	05/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SLY1	3	6.3	7	6.8	4.5	5	4.8	7	5.5	6.1
55	1171050001	Hồ Ngọc Bắc Ái	17/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	7	7.3	3.5	4	3.8	5	7.5	6.5
56	1171050002	Nguyễn Bảo Trâm Anh	28/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.3	5	5.9	6	4	4.8	6	4.5	5.1
57	1171050005	Phạm Vân Chi	21/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7	1	3.4	6	4	4.8	6	6.5	6.3
58	1171050007	Nguyễn Thị Thúy Đào	16/06/1998	ĐẮK LẮK	DH07SMNA	3	9	5	6.6	7.5	8	7.8	7.5	10	9
59	1171050008	Nguyễn Đào Kiều Diễm	20/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	6.3	7	6.7	5.3	8	6.9	6.3	4.5	5.2
60	1171050012	Phạm Thị Phương Dung	05/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8.3	8	8.1	7.8	3	4.9	7.5	7.5	7.5
61	1171050015	Lê Thị Mỹ Duyên	28/02/1995	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8	7	7.4	7.3	4	5.3	7.3	6	6.5
62	1171050016	Đinh Thị Vân Giang	19/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8.3	8	8.1	6.5	5	5.6	7.3	8	7.7
63	1171050017	Nguyễn Thị Giang	28/09/1999	NGHỆ AN	DH07SMNA	3	8	5	6.2	7	3	4.6	7	6	6.4
64	1171050019	Trần Thị Bích Hà	10/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7	2	4	5	4	4.4	6.3	5	5.5
65	1171050027	Trần Thị Hiền	06/06/1999	NGHỆ AN	DH07SMNA	3	8	3	5	6.3	7	6.7	6.8	6	6.3
66	1171050031	Hoàng Thị Ánh Hồng	22/04/1999	BẮC NINH	DH07SMNA	3	7	4	5.2	7.5	8	7.8	7.3	6.5	6.8
67	1171050033	Nguyễn Thị Huệ	31/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.3	4	5.3	3.3	5	4.3	5.5	7.5	6.7
68	1171050035	Huỳnh Thu Hương	19/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	5.7	7	6.5	3.3	4	3.7	5	6	5.6
69	1171050036	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	06/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.3	4	5.3	6.5	4	5	6.5	4.5	5.3
70	1171050042	Đào Thị Hồng Lành	09/03/1998	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.3	6	6.5	5	3	3.8	5.8	6.5	6.2
71	1171050045	Trần Thị Linh	12/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8	7	7.4	7.3	5	5.9	7.5	5.5	6.3
72	1171050046	Trần Thị Thùy Linh	08/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	9	6	7.2	7.8	5	6.1	7.8	5.5	6.4
73	1171050050	Đinh Thị Loan	15/07/1998	HÀ TĨNH	DH07SMNA	3	9.3	6	7.3	5	4	4.4	6	6	6
74	1171050052	Nguyễn Thảo Ly	01/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8	6	6.8	6.5	5	5.6	6.8	6.5	6.6
75	1171050056	Huỳnh Ngọc Thảo Mi	16/09/1998	TIỀN GIANG	DH07SMNA	3	8	6	6.8	9.3	3	5.5	9.3	7.5	8.2
76	1171050057	Trần Ngọc Thanh Ngân	18/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	6	6.7	7.5	5	6	7.5	6	6.6
77	1171050060	Đỗ Thị Bích Ngọc	03/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.3	6	6.5	6	7	6.6	6.3	6.5	6.4
78	1171050062	Đinh Thị Minh Nguyệt	10/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	7	7.3	7	4	5.2	7.3	7.5	7.4
79	1171050064	Trần Thị Ngọc Nhi	25/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8.7	7	7.7	7.3	3	4.7	7.3	7.5	7.4
80	1171050065	Nguyễn Diệp Tố Nhi	13/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	3	4.9	6.8	3	4.5	7	6	6.4
81	1171050068	Huỳnh Hà Tuyết Như	20/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	5.7	4	4.7	6.8	6	6.3	6.5	5.5	5.9

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
82	1171050071	Phan Nữ Oanh	25/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	9	6	7.2	5.8	3	4.1	6.3	7.5	7
83	1171050076	Nguyễn Thị Loan Phụng	24/02/1998	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7	3	4.6	6	2	3.6	6	6.5	6.3
84	1171050077	Lê Thị Lan Phương	27/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	5	6.1	6	3	4.2	6.5	7.5	7.1
85	1171050079	Trần Thị Như Quỳnh	06/01/1998	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.3	4	5.3	4	2	2.8	5.8	6	5.9
86	1171050081	Lê Kiều Sương	30/09/1997	TP. HCM	DH07SMNA	3	7.3	5	5.9	7	3	4.6	7	5	5.8
87	1171050084	Phạm Thị Thơm	05/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8	7	7.4	6.8	6	6.3	6.8	8.5	7.8
88	1171050086	Nguyễn Lâm Ngọc Thúy	08/03/1998	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.3	4	5.3	6		2.4	6.3	7.5	7
89	1171050088	Phạm Hoàng Thy	21/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	3	4.9	6.8	5	5.7	6.8	6	6.3
90	1171050090	Nguyễn Thị Hoài Trâm	11/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	6	6.7	3.5	3	3.2	5.5	5.5	5.5
91	1171050093	Nguyễn Bảo Trân	30/09/1999	TP. HCM	DH07SMNA	3	6	3	4.2	4.5	2	3	6	5	5.4
92	1171050094	Nguyễn Ngọc Minh Trân	04/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	6	5	5.4	5.5	2	3.4	5.8	6	5.9
93	1171050096	Trương Huỳnh Thùy Trang	21/07/1999	QUẢNG NAM	DH07SMNA	3	6.7	3	4.5	2.3	2	2.1	5.5	6	5.8
94	1171050097	Trương Phạm Thu Trang	14/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7	3	4.6	4.8	3	3.7	5.8	6	5.9
95	1171050103	Đổng Ngọc Tuyền	18/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	6	2	3.6	3	2	2.4	5.8	5	5.3
96	1171050107	Trần Lê Tố Uyên	14/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	6.7	7	6.9	4.5	5	4.8	6.8	9	8.1
97	1171050109	Nguyễn Hoàng Kỳ Vân	25/05/1999	SÓC TRĂNG	DH07SMNA	3	8.3	5	6.3	6.3	6	6.1	6.3	6	6.1
98	1171050110	Nguyễn Trí Thảo Vy	10/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8	5	6.2	5.8	5	5.3	6.5	6.5	6.5
99	1171050111	Trần Thị Ngọc Vy	16/12/1998	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	8	4	5.6	6	5	5.4	6.3	8	7.3
100	1171050114	Hà Thị Thanh Xuân	07/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNA	3	7.7	6	6.7	6.5	5	5.6	7.5	4	5.4
101	1171050117	Hoàng Thị Xuyến	13/02/1999	THANH HÓA	DH07SMNA	3	7.7	5	6.1	5.8	5	5.3	6.3	7.5	7
102	1171050003	Đỗ Ngọc Anh	28/12/1999	THÁI BÌNH	DH07SMNB	3	6.7	1	3.3	5.5	4	4.6	4	4	4
103	1171050006	Nguyễn Thị Linh Chi	27/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6.3	2	3.7	4	4	4	6.3	6	6.1
104	1171050009	Thiều Thị Diễm	15/09/1998	THANH HÓA	DH07SMNB	3	6	7	6.6	4.3	4	4.1	6.8	6.5	6.6
105	1171050010	Phùng Thị Ngọc Điệp	04/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	8	8	8	5	5	5	8.3	7.5	7.8
106	1171050014	Nguyễn Trần Khánh Dương	22/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	5	5	5	2.5	3	2.8	5.3	4.5	4.8
107	1171050018	Đỗ Phúc Quỳnh Giang	27/10/1999	TP. HCM	DH07SMNB	3	6.3	2	3.7	3	3	3	4.5	5	4.8
108	1171050021	Lương Thị Hà	15/07/1999	HÀ TĨNH	DH07SMNB	3	8	4	5.6	6.5	5	5.6	7.8	7.5	7.6
109	1171050024	Lê Huỳnh Thanh Hằng	04/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6.3	3	4.3	5.5	5	5.2	7.5	7.5	7.5
110	1171050026	Trần Ngọc Hạnh	04/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6.3	3	4.3	6	7	6.6	5.5	5.5	5.5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
111	1171050028	Phạm Thu Hiền	26/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.3	6	6.5	6.8	7	6.9	7	5.5	6.1
112	1171050032	Hồ Thị Hồng	02/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.7	4	5.5	5.3	8	6.9	6.8	5.5	6
113	1171050034	Vàyl Thị Kim Huệ	14/02/1998	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.7	6	6.7	5.8	5	5.3	6	6	6
114	1171050037	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	20/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	3	4.6	6.3	6	6.1	7.5	6.5	6.9
115	1171050038	Nguyễn Thị Thu Hương	03/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.7	2	4.3	5.3	6	5.7	8.8	8.5	8.6
116	1171050039	Phạm Ngọc Quế Hương	18/02/1999	TP. HCM	DH07SMNB	3	7	3	4.6	5.5	3	4	5.5	4.5	4.9
117	1171050040	Nguyễn Thị Huyền	05/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6.7	4	5.1	6	2	3.6	7	6.5	6.7
118	1171050041	Nguyễn Ngọc Lan	25/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	5	5.8	4.5	3	3.6	8.5	8	8.2
119	1171050043	Nông Thị Lành	22/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	5	5.8	4.8	5	4.9	6.5	6	6.2
120	1171050047	Châu Thị Linh	21/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	6	6.4	4.8	5	4.9	7	5.5	6.1
121	1171050049	Phạm Hoài Linh	04/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.7	5	6.1	7	5	5.8	6.8	6	6.3
122	1171050051	Vũ Thị Ngọc Lương	22/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	8	7	7.4	5.5	5	5.2	5.3	5	5.1
123	1171050053	Trương Thị Cẩm Ly	09/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	6	6.4	5.5	5	5.2	5.5	5.5	5.5
124	1171050055	Nguyễn Hoàng Mai	25/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.3	7	7.1	4.5	4	4.2	6.3	6	6.1
125	1171050058	Hoàng Thị Kim Ngân	18/01/1998	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.7	5	6.1	8.3	5	6.3	5	5.5	5.3
126	1171050061	Hồ Thị Ngọc	15/06/1999	NGHỆ AN	DH07SMNB	3	8	8	8	8.8	8	8.3	7	6	6.4
127	1171050063	Đinh Thị Ánh Nguyệt	27/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6.7	6	6.3	4.8	3	3.7	7.5	6	6.6
128	1171050069	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	14/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.3	3	4.7	6	5	5.4	5.8	6	5.9
129	1171050070	Trần Thị Xuân Ny	09/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	5.3	3	3.9	3.3	5	4.3	3.8	5.5	4.8
130	1171050072	Đinh Thị Kiều Oanh	07/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	5.7	4	4.7	5.8	3	4.1	5.5	3.5	4.3
131	1171050073	Phạm Thị Hoàng Oanh	30/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.3	2	4.1	4.8	3	3.7	7.5	5	6
132	1171050074	Nguyễn Thị Kim Oanh	22/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	5	7	6.2	3.8	3	3.3	8	5.5	6.5
133	1171050075	Đặng Thị Kiều Oanh	14/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	3	4.6	4.5	2	3	3	6	4.8
134	1171050078	Lê Nguyễn Hoài Phương	07/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	4	5.2	5.5	3	4	6	6.5	6.3
135	1171050082	Lưu Thị Dạ Thảo	01/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.3	6	6.5	4	2	2.8	5.3	5	5.1
136	1171050083	Nguyễn Ngọc Thu Thảo	11/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	8	7	7.4	4.8	3	3.7	7.5	6.5	6.9
137	1171050085	Bùi Anh Thư	02/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6.7	5	5.7	5.8	6	5.9	5.5	5.5	5.5
138	1171050087	Nguyễn Thị Thanh Thúy	13/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	8.7	6	7.1	6.3	6	6.1	8.5	8	8.2
139	1171050089	Trần Thị Huỳnh Tiên	26/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6	7	6.6	5.3	2	3.3	6.8	6	6.3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
140	1171050091	Nguyễn Thị Thúy Trâm	18/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	5	5.8	6.5	4	5	5.8	6	5.9
141	1171050092	Phạm Thị Ngọc Trâm	28/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	4	5.2	5.3	4	4.5	7.3	6.5	6.8
142	1171050099	Nguyễn Thị Trang	04/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	8	4	5.6	4	4	4	7.8	6	6.7
143	1171050102	Nông Thị Kim Tuyến	23/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	3	4.6	5.8	3	4.1	7.8	6.5	7
144	1171050105	Đỗ Huỳnh Ngọc Tuyền	24/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	5	5.8	3.3	3	3.1	7.8	5	6.1
145	1171050108	Vũ Thị Thu Uyên	30/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7	6	6.4	5.3	4	4.5	7.8	6	6.7
146	1171050112	Đặng Nguyễn Thảo Vy	08/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	6.3	4	4.9	3	3	3	6.3	4	4.9
147	1171050116	Tô Thị Thu Xuân	17/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SMNB	3	7.7	5	6.1	5.5	5	5.2	2.5	7.5	5.5
148	1171050118	Trần Lê Như Ý	12/07/1999	QUẢNG NGÃI	DH07SMNB	3	7.3	7	7.1	6.8	5	5.7	7.3	6	6.5
149	1171060001	Nguyễn Thị Kim Ái	10/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7	6	6.4	7.8	4	5.5	7.5	6	6.6
150	1171060002	Tống Ngọc Thiên Ân	01/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7	6	6.4	7	4	5.2	6.5	8	7.4
151	1171060003	Hồ Trịnh Quế Ân	01/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7	6	6.4	5.8	3	4.1	6	5	5.4
152	1171060005	Huỳnh Phạm Quế Anh	25/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7	6	6.4	5.3	3	3.9	7	6	6.4
153	1171060008	Phạm Tiến Đạt	20/01/1997	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	8	7	7.4	7.8	7	7.3	7.5	7	7.2
154	1171060010	Lù Huỳnh Đức	10/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	6.7	6	6.3	6.3	5	5.5	6.8	3	4.5
155	1171060013	Bùi Ngọc Giàu	17/01/1998	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7	6	6.4	7	3	4.6	7	6	6.4
156	1171060018	Trần Trí Hào	14/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	6.7	5	5.7	6.8	4	5.1	7.3	3	4.7
157	1171060019	Nguyễn Thị Như Hoa	21/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	4	4	4	5	4	4.4	6.8	4	5.1
158	1171060021	Nguyễn Thị Hồng	21/11/1999	ĐẮK LẮK	DH07SNVA	3	7	8	7.6	6.3	6	6.1	6	3	4.2
159	1171060027	Lê Hải Kiên	26/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	8	8	8	8.3	4	5.7	7.5	7	7.2
160	1171060029	Hồ Thị Thanh Loan	09/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	6.3	7	6.7	6.5	6	6.2	8.8	6	7.1
161	1171060036	Lê Thị Thu Nga	24/07/1999	NINH BÌNH	DH07SNVA	3	7	7	7	4.8	4	4.3	5.8	6	5.9
162	1171060040	Lý Thị Thanh Ngọc	12/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7.3	7	7.1	5.8	2	3.5	7.5	4	5.4
163	1171060050	Tô Thị Quỳnh	03/04/1999	THANH HÓA	DH07SNVA	3	6	4	4.8	6	3	4.2	6	5	5.4
164	1171060052	Trần Thị Phương Thảo	04/11/1999	TIỀN GIANG	DH07SNVA	3	6	6	6	6.8	4	5.1	8.3	6	6.9
165	1171060054	Trần Đoàn Cam Thơ	24/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	6.3	5	5.5	3.3	1	1.9	6.8	3	4.5
166	1171060055	Mú Thị Kim Thoa	20/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	6.7	5	5.7	3.5	1	2	5.8	3	4.1
167	1171060057	Đỗ Minh Thư	08/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	5.3	7	6.3	5.3	2	3.3	6.5	7	6.8
168	1171060061	Bùi Thị Thủy Tiên	09/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	5.7	6	5.9	4.8	5	4.9	6.8	6	6.3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
169	1171060064	Vũ Ngọc Bảo Trân	01/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	6	6	6	6.5	4	5	6.3	5	5.5
170	1171060065	Hà Đào Thảo Trang	06/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	6.3	6	6.1	6	4	4.8	5.8	5	5.3
171	1171060069	Nguyễn Thị Kim Trúc	16/07/1999	HÀ TĨNH	DH07SNVA	3	8	7	7.4	7	4	5.2	7.5	6	6.6
172	1171060071	Lê Đức Trường	18/06/1999	HÀ TĨNH	DH07SNVA	3	8	7	7.4	6.3	6	6.1	5.8	4	4.7
173	1171060076	Dương Lê Cát Tường	30/11/1998	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	4.7	3	3.7	5.5	1	2.8	5	3	3.8
174	1171060085	Nguyễn Thành Vĩnh	22/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7.7	7	7.3	7	2	4	8	6	6.8
175	1171060088	Lê Thị Chiêu Xuân	17/01/1998	THANH HÓA	DH07SNVA	3	3.3	5	4.3	5.3	2	3.3	8	8	8
176	1171060090	Nguyễn Ngọc Kim Xuyến	29/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVA	3	7.3	5	5.9	7	4	5.2	8	5	6.2
177	1171060006	Cao Thị Kiều Anh	28/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	6.7	5	5.7	5.8	3	4.1	6	3	4.2
178	1171060012	Trần Thùy Dung	05/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	6.7	6	6.3	7.3	4	5.3	5.8	4	4.7
179	1171060016	Nguyễn Văn Hải	09/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	6.7	7	6.9	7.5	5	6	7.5	5	6
180	1171060017	Ninh Thị Mỹ Hằng	16/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	8.7	4	5.9	7.5	6	6.6	6	4	4.8
181	1171060022	Hoàng Tsần Hùng	23/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	8.7	8	8.3	6.8	2	3.9	7	3	4.6
182	1171060024	Vũ Thị Thu Hường	28/10/1999	NAM ĐỊNH	DH07SNVB	3	6.3	8	7.3	6.3	5	5.5	5	8	6.8
183	1171060032	Bùi Tấn Lộc	06/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	4	6	5.2	6.5	5	5.6	8.3	9	8.7
184	1171060038	Bùi Thị Kim Ngân	18/06/1999	TP. HCM	DH07SNVB	3	7	7	7	6.3	2	3.7	7	5	5.8
185	1171060041	Nguyễn Vũ Thảo Nguyên	31/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	6	5	5.4	5.8	3	4.1	3	0	1.2
186	1171060049	Lê Thị Hồng Phượng	08/11/1998	BR - VT	DH07SNVB	3	7	6	6.4	6.3	3	4.3	6.8	5	5.7
187	1171060051	Nguyễn Thị Thanh Tâm	11/04/1997	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	7	5	5.8	6.3	4	4.9	6.8	6	6.3
188	1171060056	Phạm Quốc Thống	28/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	8	6	6.8	7	6	6.4	8.3	4	5.7
189	1171060059	Nguyễn Thanh Thúy	10/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	7.7	7	7.3	5.8	2	3.5	7	6	6.4
190	1171060063	Nguyễn Đức Tính	09/15/1998	THÁI BÌNH	DH07SNVB	3	6.7	9	8.1	7.8	8	7.9	8	9	8.6
191	1171060066	Nguyễn Trần Vương Trang	01/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	3.7	5	4.5	6.5	3	4.4	5.5	5	5.2
192	1171060067	Nguyễn Thị Thùy Trang	18/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	6.7	7	6.9	6.8	4	5.1	8.5	7	7.6
193	1171060068	Trần Thị Việt Trinh	18/11/1998	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	7	6	6.4	6.3	4	4.9	6	4	4.8
194	1171060070	Nguyễn Anh Thư Trúc	07/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	3.7	3	3.3	4.5	1	2.4	6.3	5	5.5
195	1171060074	Trần Minh Tuấn	06/04/1998	BÌNH DƯƠNG	DH07SNVB	3	7	6	6.4	8.3	6	6.9	8	8	8
196	1171060075	Lầu Minh Tuấn	11/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	8	6	6.8	8.5	6	7	6.5	5	5.6
197	1171060089	Nguyễn Thị Thanh Xuân	09/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07SNVB	3	7.7	5	6.1	8	4	5.6	7.8	6	6.7

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
198	1171060091	Nguyễn Thị Như Ý	01/05/1999	TP. HCM	DH07SNVB	3	6.3	5	5.5	8	4	5.6	7.3	6	6.5
199	1171080001	Đặng Công Danh	27/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	8.7	5	6.5	9.3	6	7.3	9	8	8.4
200	1171080002	Đào Khánh Dư	11/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	7.3	4	5.3	8.8	6	7.1	8.8	7	7.7
201	1171080003	Võ Minh Tuấn Dũng	31/07/1998	TP. HCM	DH07SSU1	3	9	7	7.8	6.8	2	3.9	6.8	7	6.9
202	1171080004	Hà Duy Dũng	20/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	9	8	8.4	9.5	2	5	9	10	9.6
203	1171080005	Lê Thị Thùy Duyên	15/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	8	6	6.8	9.3	5	6.7	9.3	6	7.3
204	1171080007	Lương Văn Hiếu	16/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	8.7	5	6.5	9	6	7.2	9	2	4.8
205	1171080009	Nguyễn Thị Liên	15/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	7.3	3	4.7	7.8	4	5.5	8	5	6.2
206	1171080010	Ngô Trí Nhân	16/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	8.7	7	7.7	6.8	6	6.3	6.8	8	7.5
207	1171080015	Nguyễn Thị Hoàng Yến	20/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07SSU1	3	7	2	4	7	3	4.6	7	5	5.8
208	1171120001	Phạm Tường Thu An	18/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	5.3	1	2.7	3.8	3	3.3	7.5	6	6.6
209	1171120004	Trần Thị Trúc Anh	03/05/1999	TP. HCM	DH07STAA	3	5.7	5	5.3	5	3	3.8	8	6	6.8
210	1171120010	Nguyễn Thị Hồng Ánh	06/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6.7	5	5.7	4.5	6	5.4	7	4	5.2
211	1171120013	Vũ Thị Diễm	15/01/1999	THÁI BÌNH	DH07STAA	3	6	5	5.4	4.5	1	2.4	7.3	7	7.1
212	1171120017	Tổng Mỹ Dung	11/12/1997	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	5.7	4	4.7	5.5	2	3.4	7.3	4	5.3
213	1171120022	Bùi Thị Mỹ Duyên	19/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	5.7	3	4.1	5	8	6.8	7.3	5	5.9
214	1171120027	Phan Thị Thu Hà	29/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6.7	3	4.5	4.5	7	6	8.3	7	7.5
215	1171120030	Đoàn Mỹ Ngọc Hân	30/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	8	4	5.6	5	6	5.6	6.3	4	4.9
216	1171120034	Khiếu Nguyên Hiếu	25/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	5	5	5	5.3	6	5.7	7.8	5	6.1
217	1171120037	Nguyễn Ngọc Bích Hương	24/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	8.7	6	7.1	4.8	6	5.5	8.8	8	8.3
218	1171120038	Lại Thị Thu Hương	23/04/1999	THÁI BÌNH	DH07STAA	3	5.3	6	5.7	5.5	5	5.2	8.3	6	6.9
219	1171120039	Đoàn Thị Hương	18/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6.3	5	5.5	6	4	4.8	8.5	8	8.2
220	1171120053	Ngô Nguyễn Gia Linh	02/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	5	3	3.8	5	4	4.4	8	6	6.8
221	1171120054	Nguyễn Phương Linh	30/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6	3	4.2	4.3	4	4.1	8	4	5.6
222	1171120061	Mai Thị Mai	24/03/1999	THANH HÓA	DH07STAA	3	8	6	6.8	4.8	7	6.1	7.8	7	7.3
223	1171120062	Đặng Thị Trà My	05/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7.3	6	6.5	6.3	4	4.9	8.5	7	7.6
224	1171120067	Huỳnh Cẩm Mỹ	26/04/1997	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7	8	7.6	5.8	5	5.3	7.8	7	7.3
225	1171120068	Cao Hoàng Kim Ngân	02/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7	5	5.8	2.5	4	3.4	6.3	4	4.9
226	1171120073	Hoàng Như Ngọc	02/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7	5	5.8	5.8	6	5.9	7.5	5	6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
227	1171120074	Phạm Thị Kim Ngọc	13/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6	5	5.4	5.3	5	5.1	7.3	5	5.9
228	1171120075	Phạm Thị Kim Ngọc	05/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7.7	5	6.1	3.3	5	4.3	7.5	5	6
229	1171120082	Trần Hải Nguyên	15/01/1997	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	3.3	6	4.9	4.3	6	5.3	6.8	3	4.5
230	1171120084	Võ Thị Minh Nguyệt	12/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6.7	6	6.3	6	3	4.2	7.3	6	6.5
231	1171120086	Phan Phạm Hoàng Nhi	23/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	8	5	6.2	4.3	2	2.9	6.8	3	4.5
232	1171120091	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6	5	5.4	5.5	2	3.4	8.3	5	6.3
233	1171120100	Phan Quang	22/08/1997	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6.3	3	4.3	6.8	4	5.1	7	4	5.2
234	1171120103	Lê Bá Thạch	02/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	2	5	3.8	1.8	5	3.7	6	0.5	2.7
235	1171120106	Trần Thiên Thanh	27/08/1999	TRÀ VINH	DH07STAA	3	5.3	4	4.5	4.5	4	4.2	7	5	5.8
236	1171120110	Lê Thị Ngọc Thảo	14/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	4.7	4	4.3	2.5	5	4	7.5	5	6
237	1171120111	Nguyễn Thị Thu Thảo	27/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6.3	4	4.9	5.3	6	5.7	7	5	5.8
238	1171120116	Đỗ Minh Thi	18/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7	3	4.6	5.8	3	4.1	8.5	6	7
239	1171120118	Huỳnh Thị Minh Thơ	10/02/1999	BẾN TRE	DH07STAA	3	4	2	2.8	2.8	5	4.1	7.5	5.5	6.3
240	1171120124	Nguyễn Hữu Thức	11/09/1999	ĐẮK LẮK	DH07STAA	3	6	7	6.6	6	10	8.4	8.8	9.5	9.2
241	1171120128	Đoàn Thị Diệu Thúy	31/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	6	6	6	5.5	4	4.6	8	4.5	5.9
242	1171120132	Nguyễn Thủy Tiên	16/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7.7	3	4.9	6.3	6	6.1	8	7.5	7.7
243	1171120137	Đào Đặng Hà Trang	16/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	5.7	2	3.5	6.3	3	4.3	7	5	5.8
244	1171120138	Nguyễn Thạch Huyền Trang	05/05/1998	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	2.7	2	2.3	2.5	2	2.2	7.8	6	6.7
245	1171120146	Phan Hoàng Trúc	05/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7.7	5	6.1	5.8	5	5.3	7.5	5	6
246	1171120149	Dương Nam Trường	10/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7.3	7	7.1	5.3	4	4.5	6.5	3.5	4.7
247	1171120150	Ngô Thanh Tú	20/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	5	8	6.8	2.5	3	2.8	9	10	9.6
248	1171120153	Nguyễn Minh Tuấn	08/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	8	5	6.2	6.3	5	5.5	7.3	5	5.9
249	1171120156	Hứa Huy Tùng	04/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	7.7	6	6.7	6.5	5	5.6	7.8	4.5	5.8
250	1171120162	Nguyễn Trần Khánh Vy	31/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAA	3	3.3	4	3.7	4.3	2	2.9	7.5	6	6.6
251	1161120058	Lê Đặng Hồng Phúc	01/04/1998	Đồng Nai	DH07STAB	3	0		0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
252	1171120002	Nguyễn Mỹ An	06/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7	4	4.9	6.3	4	4.7	8	5	6.2
253	1171120007	An Thị Quỳnh Anh	15/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	5	2	2.9	4.7	3	3.5	6	3	4.2
254	1171120011	Đoàn Nhật Thái Bình	02/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7.3	7	7.1	6	9	8.1	7.8	8	7.9
255	1171120014	Lê Ngọc Diệp	14/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7.7	4	5.1	6.3	4	4.7	5.8	6	5.9

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
256	1171120016	Thái Nguyễn Thành Đô	13/09/1997	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7.3	8	7.8	9	9	9	8	8	8
257	1171120023	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	04/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7	3	4.2	5.3	3	3.7	6.5	4	5
258	1171120025	Trần Thị Thúy Giang	19/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	8.7	6	6.8	5.7	3	3.8	8.3	7	7.5
259	1171120035	Nguyễn Kim Hoàng	31/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	4.7	3	3.5	3.7	4	3.9	4.8	1	2.5
260	1171120040	Bùi Xuân Nhật Hương	14/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	6	2	3.2	5.3	5	5.1	6	3	4.2
261	1171120041	Nguyễn Thị Xuân Hương	15/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	6	4	4.6	5	7	6.4	6.5	6	6.2
262	1171120050	Lê Thị Thanh Lam	31/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	6.3	4	4.7	5	4	4.3	7	5	5.8
263	1171120055	Nguyễn Ngọc Linh	17/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7.3	4	5	6.3	6	6.1	8	6	6.8
264	1171120056	Bùi Thị Mỹ Linh	11/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	1	4	3.1	5.7	6	5.9	8.3	8	8.1
265	1171120057	Bùi Thị Thùy Linh	23/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	6	5	5.3	4.3	6	5.5	8.3	7	7.5
266	1171120064	Nguyễn Mai Trà My	01/10/1999	THANH HÓA	DH07STAB	3	2	5	4.1	5		1.5	5.8	4	4.7
267	1171120069	Trần Thị Tuyết Ngân	01/06/1997	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7	5	5.6	4.7	6	5.6	6.5	4	5
268	1171120077	Phan Trần Phương Ngọc	11/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	4	5	4.7	3	2	2.3	6	4	4.8
269	1171120078	Đinh Hồng Ngọc	08/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	5.7	5	5.2	4.3	2	2.7	6.5	3	4.4
270	1171120083	Đặng Kim Nguyên	28/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	2.7		0.8	1.3	3	2.5	7.5	5	6
271	1171120087	Trần Vũ Yến Nhi	27/07/1999	TP. HCM	DH07STAB	3	2.7	5	4.3	4.3	4	4.1	7.5	6	6.6
272	1171120088	Phạm Lan Nhi	27/02/1999	TP. HCM	DH07STAB	3	6	5	5.3	5.7	7	6.6	7.3	5	5.9
273	1171120098	Đỗ Hoài Phương	25/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	5.7	5	5.2	6.3	5	5.4	8.5	7.5	7.9
274	1171120101	Nguyễn Đăng Quyền	19/11/1998	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	7	7	7	8	9	8.7	7.8	5.5	6.4
275	1171120107	Nguyễn Thị Phương Thanh	14/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	3.3	4	3.8	5.3	5	5.1	6.3	5	5.5
276	1171120112	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	4.7	3	3.5	3.3	6	5.2	7.3	5	5.9
277	1171120113	Lê Thị Nguyên Thảo	06/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	5.7	3	3.8	4	7	6.1	7.5	6	6.6
278	1171120117	Nguyễn Minh Thi	09/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	3.7	2	2.5	4.3	4	4.1	5.8	6	5.9
279	1171120120	Dương Lệ Thu	01/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	6.3	4	4.7	4	4	4	7.8	8	7.9
280	1171120122	Vũ Hoàng Anh Thư	19/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	6	3	3.9	4.7	5	4.9	7.5	5	6
281	1171120133	Lê Duy Tính	25/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	8.7	6	6.8	7	10	9.1	8.3	0	3.3
282	1171120140	Trần Hoàng Mai Trang	03/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	6	3	3.9	5	4	4.3	6	5	5.4
283	1171120151	Phan Quốc Tú	18/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	8	5	5.9	6.7	7	6.9	7.8	8.5	8.2
284	1171120157	Nguyễn Hồng Tuyền	01/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	3	3	3	3.7	5	4.6	5.3	5	5.1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
285	1171120158	Trần Lê Phương Uyên	22/12/1999	TP. HCM	DH07STAB	3	6.7	2	3.4	4.3	4	4.1	6.3	2.5	4
286	1171120164	Bùi Ngọc Phương Vy	12/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAB	3	3.7	4	3.9	3.7	3	3.2	7	5.5	6.1
287	1161120117	Nguyễn Cao Vũ	12/02/1998	Đồng Nai	DH07STAC	3	8.3	8	8.1			8.9			5.2
288	1171120003	Nguyễn Phạm Quỳnh An	23/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.7	4	4.8	6.3	3	4.3	7.8	6	6.7
289	1171120008	Vũ Huỳnh Khương Anh	25/10/1995	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	4.7	2	2.8	6.5	7	6.8	7.5	5	6
290	1171120012	Trần Mai Chi	23/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.3	6	6.4	6.5	2	3.8	8	8	8
291	1171120019	Nguyễn Hữu Dũng	05/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6	5	5.3	6	6	6	6.9	3	4.6
292	1171120021	Trịnh Ánh Dương	28/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6	4	4.6	6	7	6.6	7.4	5	6
293	1171120026	Mai Ngọc Hương Giang	03/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.3	3	4	5.3	3	3.9	7.1	6	6.4
294	1171120029	Đồng Thị Thu Hà	25/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.7	5	5.8	6.3	6	6.1	4	0	1.6
295	1171120031	Nguyễn Hồng Hạnh	17/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.7	4	4.8	6.8	5	5.7	7.9	8	8
296	1171120033	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	07/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.7	5	5.8	6	6	6	7.3	6	6.5
297	1171120036	Bùi Thu Hồng	26/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	4.3	4	4.1	5.5	5	5.2	4.3	3	3.5
298	1171120043	Phạm Nữ Hoàng Hương	06/02/1999	HƯNG YÊN	DH07STAC	3	7.3	4	5	7	6	6.4	7.9	4	5.6
299	1171120047	Nguyễn Thu Huyền	10/11/1999	ĐẮK LẮK	DH07STAC	3	4.7	7	6.3	9	8	8.4	7.9	9	8.6
300	1171120049	Bùi Phạm Quốc Kim	04/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	3.3	3	3.1	2.8	5	4.1	4.9	5	5
301	1171120051	Trần Thị Lanh	27/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.7	3	4.1	6.3	2	3.7	7.3	6	6.5
302	1171120058	Võ Thùy Linh	01/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	1.7	5	4	5.8	3	4.1	4.3	5	4.7
303	1171120059	Hà Yến Linh	08/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	5	4	4.3	6	2	3.6	6.5	5	5.6
304	1171120060	Trần Thị Kiều Trúc Ly	10/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.3	3	4.3	5.5	5	5.2	7.5	5	6
305	1171120065	Dương Anh Trà My	24/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	5.3	7	6.5	6.5	4	5	7.6	5	6
306	1171120070	Nguyễn Hoàng Thủy Ngân	04/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.3	7	7.1	6	6	6	2.5	3	2.8
307	1171120072	Tạ Trần Thành Nghĩa	29/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	4	6	5.4	3.5	5	4.4	5.9	4	4.8
308	1171120079	Bùi Vũ Minh Ngọc	27/10/1999	TP. HCM	DH07STAC	3	5.7	4	4.5	6.8	3	4.5	7.5	6	6.6
309	1171120080	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	26/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.7	5	5.5	7	3	4.6	7.5	6	6.6
310	1171120085	Đỗ Thị Ánh Nguyệt	23/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	5.7	6	5.9	6.3	5	5.5	5.4	5	5.2
311	1171120089	Nguyễn Lê Yến Nhi	17/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.3	5	5.7	6.5	8	7.4	7.5	5	6
312	1171120090	Nguyễn Huỳnh Trúc Nhi	03/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	5.3	5	5.1	7.5	3	4.8	7.3	4.5	5.6
313	1171120094	Nguyễn Thị Kiều Oanh	03/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.3	5	5.4	7.3	6	6.5	8.4	8	8.2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
314	1171120097	Nguyễn Ngọc Phú	14/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	5	7	6.4	2	4	3.2	8.5	8	8.2
315	1171120102	Mai Thanh Tâm	04/07/1999	TP. HCM	DH07STAC	3	3	5	4.4	5	4	4.4	6.1		2.4
316	1171120108	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.3	6	6.4	7	8	7.6	7.9	6.5	7.1
317	1171120109	Hà Thị Thành	24/04/1999	BẮC GIANG	DH07STAC	3	5	5	5	6.5	7	6.8	7.8	6	6.7
318	1171120115	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	16/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7	6	6.3	6	6	6	7.5	5.5	6.3
319	1171120119	Nguyễn Thị Thanh Thơ	02/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.7	2	3.4	5.3	5	5.1	5.4	4	4.6
320	1171120121	Hà Thị Minh Thu	29/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	5.7	4	4.5	6.3	3	4.3	5.8	5.5	5.6
321	1171120123	Trần Anh Thư	26/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.7	3	4.1	6.8	6	6.3	8.6	7.5	7.9
322	1171120127	Nguyễn Thị Thanh Thương	01/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.3	4	4.7	6.8	6	6.3	7.5	5.5	6.3
323	1171120131	Lê Thị Thủy	25/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.7	3	4.1	5.8	6	5.9	6	6	6
324	1171120134	Nguyễn Ngọc Toàn	20/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	8.7	5	6.1	7	6	6.4	8.8	5	6.5
325	1171120136	Lưu Thị Thùy Trâm	14/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7	2	3.5	6	6	6	6.5	4.5	5.3
326	1171120141	Đào Nguyễn Thùy Trang	23/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.3	3	4	6.5	4	5	6	2.5	3.9
327	1171120145	Phan Thị Ngọc Trinh	25/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.3	3	4	6.3	5	5.5	7.5	6	6.6
328	1171120148	Nguyễn Kim Trung	11/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	4.7	3	3.5	1.8	5	3.7	5.8	7.5	6.8
329	1171120152	Đặng Thanh Tú	28/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.7	2	3.7	7	6	6.4	4.6	6.5	5.7
330	1171120155	Lưu Gia Tuệ	22/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	8	2	3.8	6.8	5	5.7	5.6	4.5	4.9
331	1171120159	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	19/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.3	3	4	6.5	5	5.6	6.4	5	5.6
332	1171120165	Trần Nguyễn Hoài Vy	21/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	7.3	4	5	7	5	5.8	5.8	4.5	5
333	1171120166	Vũ Thảo Vy	08/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STAC	3	6.3	5	5.4	5.3	2	3.3	6.5	6	6.2
334	1171070001	Nguyễn Ngọc Bình An	29/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8.7	7	7.7	7	7	7	7.5	5.5	6.3
335	1171070003	Đỗ Thị Quỳnh Anh	15/01/1999	NINH BÌNH	DH07STHA	3	8.3	7	7.5	9	6	7.2	7.8	9.5	8.8
336	1171070005	Huỳnh Ngọc Quế Anh	05/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.7	7	7.3	5.8	6	5.9	6.8	6	6.3
337	1171070006	Lê Huỳnh Anh	08/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	7	7.4	6.3	5	5.5	7	5.5	6.1
338	1171070015	Vũ Thị Ngọc Ánh	10/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	6.3	5	5.5	6.8	4	5.1	7.3	8	7.7
339	1171070019	Trần Ngọc Lan Chi	01/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	5	6.2	7	4	5.2	7.3	5.5	6.2
340	1171070022	Phùng Thị Anh Đào	12/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	5	5	5	5.8		2.3	6.8	8	7.5
341	1171070025	Nguyễn Thụy Ngọc Diệp	28/07/1998	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.7	6	6.7	6.5	4	5	5	4	4.4
342	1171070026	Quách Thị Dung	29/03/1999	THÁI BÌNH	DH07STHA	3	8	7	7.4	7.3	4	5.3	8.3	8	8.1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
343	1171070032	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7	8	7.6	8.3	5	6.3	7.5	7	7.2
344	1171070033	Trần Thị Thanh Hà	17/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8.3	4	5.7	7.8	4	5.5	6.5	4	5
345	1171070037	Phạm Bích Hằng	02/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	4	5.6	7.8	6	6.7	7.8	6	6.7
346	1171070038	Bùi Thanh Hằng	27/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.7	4	5.5	5.3	6	5.7	6.3	5	5.5
347	1171070046	Nguyễn Thị Ánh Hồng	05/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.3	7	7.1	6.8	5	5.7	8	6	6.8
348	1171070047	Phan Thị Lan Hương	02/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.3	5	5.9	6.3	4	4.9	5.5	3	4
349	1171070048	Lê Thị Thu Hương	04/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7	5	5.8	6	5	5.4	5.8	6	5.9
350	1171070053	Tạ Mỹ Huyền	16/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.7	7	7.3	5.3	4	4.5	7.3	7	7.1
351	1171070055	Phạm Thị Hoàng Lan	30/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	8	8	7.3	7	7.1	7.8	6	6.7
352	1171070058	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8.3	6	6.9	6.8	5	5.7	6	4	4.8
353	1171070059	Lê Trần Thùy Linh	08/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	6	6.8	6.3	5	5.5	7.3	6	6.5
354	1171070060	Nguyễn Thị Giáng Linh	01/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7	6	6.4	6.5	7	6.8	4.5	5	4.8
355	1171070072	Lương Thị Kim Nga	17/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	7	7.4	6.8	7	6.9	8.5	8	8.2
356	1171070074	Nguyễn Thị Thanh Ngân	17/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.7	6	6.7	8.3	7	7.5	8.5	7	7.6
357	1171070082	Trần Thị Yến Nhi	01/05/1998	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7	6	6.4	8.5	6	7	5	8	6.8
358	1171070083	Trần Thị Quỳnh Nhi	14/06/1999	LONG AN	DH07STHA	3	7.7	6	6.7	7.3	3	4.7	7	6	6.4
359	1171070087	Lê Gia Như	07/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.3	7	7.1	8	6	6.8	7	5	5.8
360	1171070088	Nguyễn Hoàng Gia Như	12/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	6.3	8	7.3	7.3	7	7.1	7	5	5.8
361	1171070092	Nguyễn Hồng Nhung	13/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	6.3	4	4.9	5.8	6	5.9	5	6	5.6
362	1171070097	Trần Đức Phú	29/11/1999	TP. HCM	DH07STHA	3	8	9	8.6	7.8	7	7.3	7.5	5	6
363	1171070098	Đỗ Thanh Phương	28/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.3	9	8.3	7	8	7.6	8	7	7.4
364	1171070107	Nguyễn Đình Đan Thanh	27/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7	9	8.2	4	4	4	5.3	4	4.5
365	1171070113	Vũ Thị Thu Thảo	05/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.3	7	7.1	5.3	4	4.5	6	5	5.4
366	1171070116	Nguyễn Đặng Bảo Thơ	25/12/1999	BÌNH PHƯỚC	DH07STHA	3	7	7	7	7.3	5	5.9	6.3	6	6.1
367	1171070118	Nguyễn Hoàng Anh Thư	11/11/1999	TP. HCM	DH07STHA	3	7.3	6	6.5	6.5	7	6.8	3.5	4	3.8
368	1171070123	Vũ Thị Như Thùy	19/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	5	6.2	7	6	6.4	6	6	6
369	1171070125	Nguyễn Thị Thanh Thủy	28/09/1999	NINH THUẬN	DH07STHA	3	8	9	8.6	6.8	5	5.7	7.5	5	6
370	1171070130	Trần Ngọc Phương Trâm	23/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8.7	7	7.7	7	5	5.8	6.3	6	6.1
371	1171070132	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8	8	8	7.3	7	7.1	6.3	7	6.7

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
372	1171070133	Nguyễn Thùy Trang	05/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.3	9	8.3	7	7	7	6.5	6	6.2
373	1171070142	Bùi Lê Thùy Vân	05/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	7.3	8	7.7	6.8	7	6.9	6.3	7	6.7
374	1171070145	Nguyễn Thị Thu Vy	19/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHA	3	8.3	5	6.3	7	5	5.8	6.3	6	6.1
375	1171070148	Trần Thị Hải Yến	23/07/1999	HẢI DƯƠNG	DH07STHA	3	4	8	6.4	5.8	6	5.9	7	7	7
376	1171070002	Dương Thị Như Ân	02/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.7	6	7.1	8	7	7.4	8	5.5	6.5
377	1171070007	Đinh Thị Kim Anh	09/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.7	7	7.7	8.5	5	6.4	8.5	6	7
378	1171070008	Nguyễn Thị Lan Anh	15/04/1999	BẮC GIANG	DH07STHB	3	8.3	5	6.3	8	5	6.2	8	6.5	7.1
379	1171070009	Văn Thị Yến Anh	04/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8	3	5	7.8	5	6.1	7.8	5.5	6.4
380	1171070010	Bùi Trần Trang Anh	05/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7	4	5.2	7	5	5.8	7	5.5	6.1
381	1171070016	Trương Ngọc Ánh	19/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	6	6.7	7.3	6	6.5	7.3	4.5	5.6
382	1171070020	Phạm Nguyễn Thảo Chi	19/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7	4	5.2	6.5	4	5	6.5	6	6.2
383	1171070023	Thái Minh Thành Đạt	24/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.7	8	8.3	8.3	8	8.1	8.3	5	6.3
384	1171070027	Lê Thị Dung	22/11/1999	HÀ TĨNH	DH07STHB	3	7.7	7	7.3	7.5	4	5.4	7.5	9	8.4
385	1171070031	Vũ Thị Thùy Dương	25/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.3	7	7.5	8	4	5.6	8	6	6.8
386	1171070035	Huỳnh Tú Hạ	06/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.3	4	5.7	8	4	5.6	8	8	8
387	1171070039	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	20/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.7	4	5.9	8.5	6	7	8.5	3	5.2
388	1171070042	Phạm Thu Hiền	13/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.3	4	5.7	8.3	5	6.3	8.3	8	8.1
389	1171070043	Nguyễn Thị Hiền	20/03/1999	HÀ TĨNH	DH07STHB	3	8.7	4	5.9	8.3	7	7.5	8.3	8	8.1
390	1171070049	Nguyễn Thị Hương	05/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	9	6	7.2	8.8	5	6.5	8.8	7	7.7
391	1171070051	Đỗ Thị Thúy Hường	24/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	6	6.7	7.5	6	6.6	7.5	6	6.6
392	1171070056	Nguyễn Thị Nhật Lệ	13/02/1999	BẮC NINH	DH07STHB	3	7.7	6	6.7	7.3	7	7.1	7.3	5	5.9
393	1171070061	Nguyễn Thị Thùy Linh	30/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	5	6.1	7.5	6	6.6	7.5	7	7.2
394	1171070062	Lê Thị Trúc Linh	08/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7	7	7	6.5	7	6.8	6.5	8	7.4
395	1171070063	Trương Thị Mỹ Linh	18/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	4	5.5	7.5	7	7.2	7.5	8	7.8
396	1171070068	Đinh Hoàng Ngọc Lợi	20/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	9	8.5	7.5	6	6.6	7.5	5	6
397	1171070071	Lê Thị Ngọc Mai	09/11/1999	TP. HCM	DH07STHB	3	8.3	9	8.7	8	4	5.6	8	5	6.2
398	1171070077	Hoàng Thị Bích Ngọc	17/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.3	6	6.9	8	5	6.2	8	5	6.2
399	1171070080	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	08/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.7	8	8.3	8.3	5	6.3	8.3	7	7.5
400	1171070084	Vũ Thảo Nhi	01/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.3	9	8.7	8	7	7.4	8	4	5.6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
401	1171070085	Bùi Hoàng Yến Nhi	20/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8	9	8.6	7.8	8	7.9	7.8	5	6.1
402	1171070089	Hồ Hoàng Huỳnh Như	08/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8	8	8	7.8	7	7.3	7.8	7	7.3
403	1171070093	Bùi Thị Hồng Nhung	13/05/1999	NAM ĐỊNH	DH07STHB	3	6.3	6	6.1	6.3	6	6.1	6.3	6	6.1
404	1171070095	Nguyễn Yến Oanh	28/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.3	8	7.7	7.3	5	5.9	7.3	5	5.9
405	1171070099	Nguyễn Đỗ Hạnh Phương	06/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8	8	8	7.8	7	7.3	7.8	5	6.1
406	1171070104	Lưu Thúy Sang	05/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	5	6.1	7.5	4	5.4	7.5	5	6
407	1171070108	Viên Ngọc Thanh	28/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8.3	9	8.7	8.3	4	5.7	8.3	6	6.9
408	1171070109	Trương Thị Mỹ Thanh	26/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8	6	6.8	7.8	4	5.5	7.8	7	7.3
409	1171070114	Nguyễn Thị Thu Thảo	27/12/1999	TT HUẾ	DH07STHB	3	7.7	6	6.7	7.5	5	6	7.5	5	6
410	1171070117	Nguyễn Thị Minh Thu	30/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7	8	7.6	7	7	7	7	6	6.4
411	1171070120	Trần Trịnh Minh Thư	12/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	5	6.1	7.5	6	6.6	7.5	6	6.6
412	1171070129	Đinh Thị Thanh Tiến	28/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	7	7.3	7.5	6	6.6	7.5	5	6
413	1171070134	Bùi Thị Thu Trang	02/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	8	7.9	7.5	6	6.6	7.5	7	7.2
414	1171070135	Phạm Đỗ Kim Trang	20/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	8	7.9	7.5	7	7.2	7.5	6	6.6
415	1171070137	Giang Hoàng Trinh	28/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	6	6.7	7.3	8	7.7	7.3	3	4.7
416	1171070141	Huỳnh Thị Bích Tuyền	11/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	6.7	6	6.3	7.3	8	7.7	7.3	6	6.5
417	1171070143	Đặng Hoàng Vi	18/06/1998	THANH HÓA	DH07STHB	3	7.7	7	7.3	7.5	7	7.2	7.5	5	6
418	1171070146	Tạ Lý Thảo Vy	20/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	8	9	8.6	7.5	7	7.2	7.5	5	6
419	1171070149	Vũ Hoàng Hải Yến	23/11/1998	ĐỒNG NAI	DH07STHB	3	7.7	7	7.3	8	6	6.8	8	6	6.8
420	1171070011	Mai Thị Thu Anh	11/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	5.3	4	4.5	7.5	6	6.6	7.8	5	6.1
421	1171070012	Phạm Thị Vân Anh	31/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	8.3	5	6.3	7	5	5.8	8	6	6.8
422	1171070013	Trịnh Thị Minh Anh	05/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	5.7	3	4.1	6.8	4	5.1	6	3	4.2
423	1171070014	Lê Thị Mai Anh	09/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.7	5	5.7	6.3	4	4.9	6.3	6	6.1
424	1171070018	Nguyễn Thị Minh Châu	15/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	8	5	6.2	7.8	6	6.7	7.3	5.5	6.2
425	1171070021	Nguyễn Hồng Đa	05/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	8	5	6.2	7.5	5	6	8.3	6.5	7.2
426	1171070024	Nguyễn Thanh Diễm	19/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.7	4	5.1	7.5	5	6	7.8	4.5	5.8
427	1171070030	Nguyễn Thị Dung	24/12/1998	QUẢNG BÌNH	DH07STHC	3	5.3	6	5.7	8.8	6	7.1	8.8	6	7.1
428	1171070036	Nguyễn Đức Hải	18/03/1994	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	4.7	6	5.5	6.5	8	7.4	9	6	7.2
429	1171070040	Vũ Thị Thanh Hằng	04/07/1997	ĐẮK LẮK	DH07STHC	3	4.7	5	4.9	5.5	6	5.8	8	7	7.4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
430	1171070044	Nguyễn Thu Hiền	04/02/1999	HÒA BÌNH	DH07STHC	3	7.7	4	5.5	6	7	6.6	7	4	5.2
431	1171070045	Đặng Thị Thái Hòa	07/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6	6	6	5.5	3	4	6.8	3	4.5
432	1171070050	Trần Lan Hương	28/09/1999	NAM ĐỊNH	DH07STHC	3	4.7	3	3.7	6	5	5.4	7.5	5	6
433	1171070052	Trần Thị Hường	09/07/1999	HÀ NAM	DH07STHC	3	6	3	4.2	7.5	7	7.2	7.5	6	6.6
434	1171070054	Lê Thị Ngọc Huyền	25/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	5.7	7	6.5	8.5	6	7	7.5	5	6
435	1171070057	Phạm Thị Kim Liên	02/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	5.3	6	5.7	8.3	6	6.9	7.8	5	6.1
436	1171070064	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.7	6	6.3	6.3	6	6.1	7.5	6	6.6
437	1171070065	Phạm Thị Khánh Linh	11/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	5.7	6	5.9	6	6	6	8	8	8
438	1171070066	Lại Thị Thùy Linh	07/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	7	9	8.2	8	6	6.8	8	5	6.2
439	1171070069	Hoàng Thị Lương	28/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	8	8	8	7.3	4	5.3	8	5	6.2
440	1171070073	Nghiêm Thị Thanh Nga	28/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	7.3	7	7.1	7.3	5	5.9	8	6	6.8
441	1171070076	Trương Bảo Ngân	06/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	5	6	5.6	7.8	7	7.3	8.3	6	6.9
442	1171070078	Vũ Bùi Bảo Ngọc	02/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6	6	6	6.3	4	4.9	7.5	4	5.4
443	1171070081	Phan Thị Thanh Nhàn	28/08/1999	NGHỆ AN	DH07STHC	3	7.3	8	7.7	6.5	5	5.6	8	6	6.8
444	1171070086	Phan Trần Yến Nhi	27/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6	7	6.6	8.3	8	8.1	8.3	7	7.5
445	1171070090	Nguyễn Thị Hồng Như	06/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	7.3	4	5.3	8.3	6	6.9	7.5	7	7.2
446	1171070094	Lê Thị Tuyết Nhung	27/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.3	6	6.1	6.3	6	6.1	7	3	4.6
447	1171070096	Nguyễn Thị Kim Oanh	21/02/1999	THANH HÓA	DH07STHC	3	3.3	7	5.5	6.8	4	5.1	8.3	7	7.5
448	1171070100	Nguyễn Hoàng Uyên Phương	21/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.3	8	7.3	7.5	4	5.4	7.3	3	4.7
449	1171070102	Phan Thị Phượng	12/03/1999	NAM ĐỊNH	DH07STHC	3	4	5	4.6	6.8	7	6.9	7.5	5	6
450	1171070103	Võ Lê Đan Quỳnh	06/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.3	6	6.1	7.3	7	7.1	7.3	5	5.9
451	1171070106	Dương Nguyễn Hoài Thanh	28/11/1999	ĐẮK LẮK	DH07STHC	3	3.3	4	3.7	6.5	6	6.2	0		0.6
452	1171070110	Nguyễn Phương Thanh	01/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.7	6	6.3	7	4	5.2	7	6	6.4
453	1171070111	Đỗ Mai Thiên Thanh	26/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	7	7	7	8.3	7	7.5	7.8	8	7.9
454	1171070112	Hoàng Thị Thao	11/11/1999	HÀ TĨNH	DH07STHC	3	4	7	5.8	8	7	7.4	8.8	7	7.7
455	1171070115	Phạm Thị Thêu	13/10/1999	HẢI DƯƠNG	DH07STHC	3	5.7	7	6.5	2	4	3.2	5.8	5	5.3
456	1171070121	Lê Thị Minh Thư	14/10/1999	CẦN THƠ	DH07STHC	3	9.3	5	6.7	6.5	6	6.2	7.8	6	6.7
457	1171070122	Đoàn Thị Tuyết Thuận	17/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	7	5	5.8	8.5	8	8.2	8	6	6.8
458	1171070126	Vũ Thị Thanh Thủy	15/03/1999	THÁI BÌNH	DH07STHC	3	0	7	4.2	8	4	5.6	6.5	4	5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
459	1171070131	Trần Thị Diễm Trâm	18/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.7	7	6.9	6.5	4	5	7	5	5.8
460	1171070136	Trần Thu Trang	24/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	0		0	4.3		1.7	5.5		2.2
461	1171070138	Lê Minh Trọng	09/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.7	7	6.9	7.3	6	6.5	8.5	6	7
462	1171070139	Trần Hoài Tú	24/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	8.7	7	7.7	8.3	6	6.9	8	6	6.8
463	1171070144	Nguyễn Trần Ánh Vi	26/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	3.3	5	4.3	5.8	7	6.5	4.8	3	3.7
464	1171070147	Nguyễn Trần Tường Vy	02/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHC	3	6.3	9	7.9	7.5	7	7.2	7	5	5.8
465	1171070150	Ngô Thị Quỳnh Anh	06/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	9.3	6	7	6.8	7	6.9	6	7	6.6
466	1171070151	Trương Thị Lan Anh	12/07/1999	QUẢNG NINH	DH07STHD	3	9	8	8.3	7.3	7	7.1	5.8	7	6.5
467	1171070152	Nguyễn Thị Vân Anh	19/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	9	8	8.3	7.5	6	6.6	7	5	5.8
468	1171070153	Nguyễn Thị Lan Anh	08/09/1999	ĐẮK LẮK	DH07STHD	3	9	8	8.3	6.3	6	6.1	7.3	6	6.5
469	1171070154	Mai Thị Quỳnh Anh	29/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7.7	7	7.2	7.5	7	7.2	6.3	5	5.5
470	1171070155	Ngô Ngọc Lan Anh	17/09/1999	TP. HCM	DH07STHD	3	7.3	6	6.4	6.8	7	6.9	5.5	2	3.4
471	1171070156	Đỗ Thị Quỳnh Anh	08/04/1999	THANH HÓA	DH07STHD	3	6.3	4	4.7	3.3	4	3.7	6.3	5	5.5
472	1171070157	Phùng Thị Phương Anh	05/11/1999	HÀ NỘI	DH07STHD	3	7	5	5.6	4.5	4	4.2	5.5	3	4
473	1171070159	Nguyễn Thị Hưng Bình	18/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	0	3	2.1	0.5	4	2.6	4.8	4	4.3
474	1171070160	Nguyễn Thị Bảo Chân	17/02/1999	KIÊN GIANG	DH07STHD	3	7.3	5	5.7	5.8	6	5.9	6.3	5	5.5
475	1171070162	Nguyễn Thị Dịu	23/02/1999	NAM ĐỊNH	DH07STHD	3	8	8	8	3.3	5	4.3	6.5	5	5.6
476	1171070163	Nguyễn Thùy Dương	22/08/1999	THÁI BÌNH	DH07STHD	3	6.7	8	7.6	6.3	6	6.1	6.8	5	5.7
477	1171070164	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	7	7.3	6.8	9	8.1	4.8	3	3.7
478	1171070165	Dương Thị Thùy Dương	29/06/1999	TIỀN GIANG	DH07STHD	3	9	7	7.6	7.8	9	8.5	8.8	7	7.7
479	1171070166	Phan Trần Kỳ Duyên	22/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	9	9	9	7.3	9	8.3	5.3	6	5.7
480	1171070167	Lê Thị Thu Hà	01/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	9	9	9	8.5	9	8.8	7	4	5.2
481	1171070168	Trần Thị Thanh Hà	29/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	9	8	8.3	6.8	7	6.9	6.3	5	5.5
482	1171070169	Ngô Thị Thúy Hằng	03/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7.7	8	7.9	5.5	5	5.2	8.3	9	8.7
483	1171070170	Trương Thị Hạnh	01/02/1999	ĐẮK NÔNG	DH07STHD	3	8	6	6.6	7	5	5.8	5.8	6	5.9
484	1171070171	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	19/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7	6	6.3	5.8	7	6.5	6	6	6
485	1171070172	Nguyễn Thị Thu Hiền	22/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	5.3	8	7.2	5.3	6	5.7	6.8	7	6.9
486	1171070173	Dương Thị Hoa	24/09/1999	THÁI NGUYÊN	DH07STHD	3	8	7	7.3	7.5	6	6.6	7.3	6	6.5
487	1171070174	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	31/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	8	8	6.3	4	4.9	6.5	5	5.6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
488	1171070175	Phạm Ngọc Thiên Hương	30/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	8	8	6	7	6.6	6.8	6	6.3
489	1171070177	Lê Thị Lan Hương	17/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	5.3	6	5.8	5.3	4	4.5	4.8	5	4.9
490	1171070179	Đổng Võ Hoàng Linh	06/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7	7	7	7	5	5.8	5	3	3.8
491	1171070181	Nguyễn Trâm Mai	03/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	4	3	3.3	5.3	6	5.7	4.8	3	3.7
492	1171070182	Đoàn Trần Uyển My	29/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	4.3	5	4.8	6.5	7	6.8	4.8	4	4.3
493	1171070183	Nguyễn Thị Phương Nam	08/03/1999	NGHỆ AN	DH07STHD	3	8.3	6	6.7	5	7	6.2	6.8	6	6.3
494	1171070184	Trần Thị Thúy Nga	05/03/1999	QUẢNG BÌNH	DH07STHD	3	7	9	8.4	4	5	4.6	7.3	6	6.5
495	1171070186	Đinh Nguyễn Thanh Ngọc	08/04/1999	TP. HCM	DH07STHD	3	7.7	7	7.2	6	9	7.8	5.3	3	3.9
496	1171070187	Phạm Hà Như Ngọc	10/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	6.3	7	6.8	2.8	7	5.3	5.3	5	5.1
497	1171070188	Đồng Thị Như Ngọc	25/12/1997	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7.7	7	7.2	6.5	7	6.8	7.3	6	6.5
498	1171070190	Võ Thị Yến Nhi	14/03/1999	TIỀN GIANG	DH07STHD	3	0	7	4.9	7.8	7	7.3	6.5	6	6.2
499	1171070191	Nguyễn Thị Kim Nhi	01/08/1999	BÌNH ĐỊNH	DH07STHD	3	8	9	8.7	7	10	8.8	5.3	7	6.3
500	1171070192	Kha Thị Minh Như	23/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	6.3	6	6.1	6	8	7.2	6.3	5	5.5
501	1171070194	Trịnh Mỹ Phượng	24/07/1999	NAM ĐỊNH	DH07STHD	3	8	6	6.6	7	5	5.8	5.8	6	5.9
502	1171070196	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	03/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7.3	6	6.4	3.3	6	4.9	0	5	3
503	1171070197	Phạm Thị Như Quỳnh	20/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7	6	6.3	5.5	6	5.8	5.8	5	5.3
504	1171070198	Bùi Ngọc Thiên Thanh	18/09/1998	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	4	5.2	3.5	3	3.2	5.3	4	4.5
505	1171070199	Đỗ Thị Minh Thanh	28/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	6.7	8	7.6	4.8	6	5.5	7.3	7	7.1
506	1171070200	Nguyễn Thị Thanh Thanh	20/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	6.3	6	6.1	5.8	6	5.9	5	6	5.6
507	1171070201	An Thị Phương Thảo	16/08/1999	NINH BÌNH	DH07STHD	3	6.3	5	5.4	3.3	3	3.1	6.3	6	6.1
508	1171070202	Vũ Phương Thảo	27/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	6.7	6	6.2	6.3	5	5.5	6.3	5	5.5
509	1171070203	Nguyễn Phương Thảo	07/07/1994	BÌNH DƯƠNG	DH07STHD	3	6	8	7.4	6.5	6	6.2	7	6	6.4
510	1171070204	Phạm Thị Phương Thảo	01/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	6.3	8	7.5	5.8	6	5.9	6	5	5.4
511	1171070205	Nguyễn Vũ Như Thảo	07/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	5.3	7	6.5	3.5	7	5.6	6.8	9	8.1
512	1171070206	Nguyễn Ngọc Minh Thu	06/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7.3	7	7.1	6	7	6.6	5	5	5
513	1171070207	Lại Thái Minh Thư	22/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	2.7	6	5	2	7	5	6.5	5	5.6
514	1171070208	Nguyễn Trần Thanh Thư	30/04/1999	TP. HCM	DH07STHD	3	8	6	6.6	5.8	7	6.5	7.8	7	7.3
515	1171070209	Nguyễn Thị Minh Thư	12/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	9	8	8.3	7.3	7	7.1	5.8	3	4.1
516	1171070210	Lê Thị Thủy	08/11/1999	NAM ĐỊNH	DH07STHD	3	9	8	8.3	7.3	6	6.5	7.8	7	7.3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
517	1171070211	Nguyễn Ngọc Anh Thy	05/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	9	7	7.6	6.5	5	5.6	6.3	3	4.3
518	1171070212	Lê Thủy Tiên	26/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8.3	7	7.4	6.3	5	5.5	6.5	5	5.6
519	1171070215	Lê Trương Phương Trâm	08/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	5	5.9	6	6	6	7	5	5.8
520	1171070216	Hà Ngọc Trâm	16/10/1999	THANH HÓA	DH07STHD	3	6.7	8	7.6	6.3	7	6.7	7.8	8	7.9
521	1171070217	Nguyễn Trần Lê Trâm	18/05/1997	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8.7	8	8.2	5.5	7	6.4	7.5	6	6.6
522	1171070218	Trịnh Ngọc Bảo Trân	11/08/1999	TP. HCM	DH07STHD	3	8.3	8	8.1	6.8	7	6.9	6.5	5	5.6
523	1171070221	Trần Kiều Thùy Trang	06/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	8	8	6.8	5	5.7	5.8	2	3.5
524	1171070222	Lê Thị Tuyết Trinh	04/01/1999	LÂM ĐỒNG	DH07STHD	3	7.3	7	7.1	5.5	5	5.2	6.5	6	6.2
525	1171070223	Dương Thị Ánh Tuyết	27/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	8	8	6	5	5.4	6.3	5	5.5
526	1171070224	Lộ Thị Thuỳ Uyên	15/06/1999	NINH THUẬN	DH07STHD	3	7.7	8	7.9	7	7	7	5.5	6	5.8
527	1171070225	Cao Trúc Vy	01/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	7.7	6	6.5	5.8	8	7.1	6.8	4	5.1
528	1171070226	Nguyễn Vương Vy	30/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3	8	7	7.3	6	8	7.2	5.5	6	5.8
529	1171070227	Trần Khánh Vy	14/11/1999	TP. HCM	DH07STHD	3	8.7	7	7.5	8.5	8	8.2	6.8	4	5.1
530	1171070229	Nguyễn Hoàng Yến	01/09/1996	ĐỒNG NAI	DH07STHD	3			0	0		0	4.3	4	4.1
531	1171010002	Đinh Hoàng Trâm Anh	03/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.3	7	7.4	8	5	6.2	7.5	2.5	4.5
532	1171010004	Hoàng Thị Phương Anh	07/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7	5	5.6	8	5	6.2	8.3	5	6.3
533	1171010005	Lê Hà Anh	13/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	6	3	3.9	8.3	3	5.1	8.3	6	6.9
534	1171010011	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28/11/1999	THANH HÓA	DH07STOA	3	7.7	7	7.2	8.8	4	5.9	8.8	8.5	8.6
535	1171010012	Lý Gia Bảo	05/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.3	6	6.7	8.5	5	6.4	9.5	9	9.2
536	1171010014	Trần Lê Phương Chánh	02/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7.7	6	6.5	7.8	3	4.9	7.8	9	8.5
537	1171010017	Dương Tấn Danh	29/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	6	4	4.6	9	3	5.4	9.3	10	9.7
538	1171010018	Nguyễn Trí Đệ	25/04/1997	TP. HCM	DH07STOA	3	7	4	4.9	8.3	6	6.9	8.5	6.5	7.3
539	1171010020	Nguyễn Minh Định	13/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.7	7	7.5	9	10	9.6	9	8.5	8.7
540	1171010027	Vũ Thị Ngân Giang	06/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	6.3	3	4	9	3	5.4	8.5	6.5	7.3
541	1171010029	Trần Ngọc Hải	01/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	9	7	7.6	9.3	8	8.5	9.5	10	9.8
542	1171010030	Mai Thị Hằng	09/04/1998	NINH BÌNH	DH07STOA	3	7.3	3	4.3	8.3	5	6.3	8.3	6.5	7.2
543	1171010033	Nguyễn Thị Thanh Hiền	18/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8	3	4.5	8	6	6.8	8	5	6.2
544	1171010035	Lê Thị Hòa	06/08/1999	NGHỆ AN	DH07STOA	3	8	6	6.6	8.8	6	7.1	8.8	6	7.1
545	1171010037	Tạ Thị Thanh Huệ	28/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7	5	5.6	7.8	6	6.7	7.8	4.5	5.8

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
546	1171010039	Đặng Quang Huy	07/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.7	4	5.4	7.8	4	5.5	7.8	6	6.7
547	1171010040	Nguyễn Thị Huyền	08/01/1999	HẢI DƯƠNG	DH07STOA	3	8	4	5.2	9	3	5.4	9	6.5	7.5
548	1171010047	Lương Yến Linh	12/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7.3	5	5.7	8	2	4.4	8	3.5	5.3
549	1171010049	Thân Trọng Lộc	26/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.3	5	6	8.3	7	7.5	8.3	8	8.1
550	1171010050	Nguyễn Ngọc Mai	24/01/1999	NINH THUẬN	DH07STOA	3	7.3	3	4.3	7.3	2	4.1	7.3	3.5	5
551	1171010051	Đặng Thị Thanh Mai	09/06/1999	TP. HCM	DH07STOA	3	8.7	6	6.8	7.8	6	6.7	7.8	4.5	5.8
552	1171010053	Đặng Thị Hà My	14/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	6.7	6	6.2	8	5	6.2	8	6	6.8
553	1171010055	Võ Thị Thu Nga	05/01/1999	QUẢNG NAM	DH07STOA	3	8	4	5.2	8.3	3	5.1	8.8	6	7.1
554	1171010059	Lê Thị Kim Ngọc	12/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.3	2	3.9	8	5	6.2	8	5	6.2
555	1171010060	Nguyễn Đan Ngọc	06/01/1999	BÌNH THUẬN	DH07STOA	3	7.7	2	3.7	8.5	3	5.2	8.5	5	6.4
556	1171010063	Lê Hoàng Nhật	02/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	9.3	8	8.4	9.5	5	6.8	9.5	9	9.2
557	1171010064	Hoàng Bảo Nhi	28/03/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	9	5	6.2	8.8	4	5.9	8.8	6.5	7.4
558	1171010067	Trương Thị Như	15/08/1999	THANH HÓA	DH07STOA	3	8.3	7	7.4	8.5	5	6.4	8.8	4.5	6.2
559	1171010071	Nguyễn Minh Phương	08/04/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.7	8	8.2	9	5	6.6	9	9	9
560	1171010075	Lê Hoàng Sỹ	16/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.7	5	6.1	9.5	5	6.8	9.8	8.5	9
561	1171010077	Phạm Hoài Tâm	08/08/1995	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7.3	5	5.7	9	6	7.2	9	8.5	8.7
562	1171010082	Vũ Thị Thanh Thảo	11/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7.3	7	7.1	7.5	2	4.2	7.5	4	5.4
563	1171010086	Hồng Ngọc Thùy	27/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	6.7	5	5.5	8	2	4.4	8	3.5	5.3
564	1171010088	Trần Nhựt Tiến	01/08/1998	TP. HCM	DH07STOA	3	8.7	7	7.5	8.8	5	6.5	9	6	7.2
565	1171010091	Lộc Xuân Trang	02/04/1998	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7.7	4	5.1	8.5		3.4	8.5	6	7
566	1171010092	Hoàng Thị Huyền Trang	20/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8	7	7.3	8.3	3	5.1	8.3	5	6.3
567	1171010096	Nguyễn Thị Thanh Trúc	30/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7.7	3	4.4	8.8	4	5.9	8.8	7.5	8
568	1171010097	Nguyễn Văn Trung	10/02/1996	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7.7	5	5.8	8.5	7	7.6	8.5	7.5	7.9
569	1171010099	Nguyễn Thanh Tùng	11/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.7	6	6.8	8.3	3	5.1	8.3	6	6.9
570	1171010101	Bùi Mỹ Tuyền	31/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7	3	4.2	8.5	5	6.4	8.5	6.5	7.3
571	1171010102	Nguyễn Hoài Nhã Uyên	01/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7	3	4.2	7.5	2	4.2	7.5	4	5.4
572	1171010103	Trần Thị Tú Uyên	04/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8.7	6	6.8	7.5	2	4.2	7	2.5	4.3
573	1171010106	Trần Thị Thảo Vân	20/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	8	5	5.9	8	3	5	8	5.5	6.5
574	1171010109	Quách Nguyễn Tường Vy	04/10/1998	ĐỒNG NAI	DH07STOA	3	7	3	4.2	7.8	4	5.5	7.8	4	5.5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
575	1171010006	Trần Tuấn Anh	05/11/1994	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8.3	8	8.1	8.5	4	5.8	7.8	8.5	8.2
576	1171010007	Đào Lan Anh	26/05/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	6	3	3.9	6.5	3	4.4	5.5	2.5	3.7
577	1171010008	Trần Thị Lan Anh	20/04/1999	NGHỆ AN	DH07STOB	3	8	2	3.8	6.5	2	3.8	6.5	5	5.6
578	1171010009	Phạm Hoàng Vân Anh	20/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	6.7	2	3.4	5.5	2	3.4	4.5	1	2.4
579	1171010010	Kiều Lan Anh	18/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	3.3	4	3.8	7	5	5.8	4.3	1	2.3
580	1171010013	Nguyễn Trần Ngọc Bảo	04/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	6	6.4	8	5	6.2	5.8	8.5	7.4
581	1171010016	Nguyễn Thị Hoa Cúc	04/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	5.7	3	3.8	6.3	2	3.7	5	4.5	4.7
582	1171010024	Lê Xuân Dũng	14/06/1999	THANH HÓA	DH07STOB	3	8	4	5.2	7.3	5	5.9	7.3	6	6.5
583	1171010026	Lê Thị Hồng Gấm	20/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	3	4.3	7	3	4.6	4.5	1	2.4
584	1171010028	Nguyễn Thị Hà	29/04/1999	TP. HCM	DH07STOB	3	7.3	3	4.3	7.5	3	4.8	6	6	6
585	1171010038	Lê Thanh Hùng	11/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	6	6.4	7.5	7	7.2	7	6	6.4
586	1171010041	Đặng Mai Huyền	03/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	6.7	3	4.1	6.5	2	3.8	5.5	4	4.6
587	1171010043	Nguyễn Thị Kim Khánh	10/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8	4	5.2	6.8	2	3.9	7.5	6.5	6.9
588	1171010046	Nguyễn Khánh Bảo Lâm	01/06/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	6	4	4.6	7.8	6	6.7	5.5	8	7
589	1171010048	Đỗ Hoàng Trúc Linh	28/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	6.7	3	4.1	7.5	2	4.2	5.3	2.5	3.6
590	1171010054	Nguyễn Phương Nam	02/11/1999	VĨNH PHÚC	DH07STOB	3	8.7	5	6.1	7.5	5	6	7.5	6.5	6.9
591	1171010058	Lương Thị Ngân	02/02/1998	ĐẮK LẮK	DH07STOB	3	8	7	7.3	7.8	5	6.1	8	7.5	7.7
592	1171010061	Đinh Thiện Ngọc	05/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	6.7	1	2.7	7.3	2	4.1	6	4	4.8
593	1171010062	Vũ Thị Thanh Nhàn	02/07/1999	NAM ĐỊNH	DH07STOB	3	6.7	1	2.7	5.5	4	4.6	1.8	4	3.1
594	1171010065	Đặng Ngọc Yến Nhi	08/05/1999	KIÊN GIANG	DH07STOB	3	8	2	3.8	6.8	2	3.9	5.8	4	4.7
595	1171010068	Phạm Trí Phú	15/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8	6	6.6	8	4	5.6	8	6	6.8
596	1171010070	Phạm Văn Phước	01/01/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8	4	5.2	8.3	7	7.5	8.3	10	9.3
597	1171010072	Lê Hoàng Quân	15/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8.7	4	5.4	8.8	6	7.1	7.3	2.5	4.4
598	1171010074	Trần Nam Sơn	30/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	5	5.7	9.3	5	6.7	7.8	5	6.1
599	1171010078	Lê Thị Hồng Thắm	12/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	6	6.4	7.8	2	4.3	7.3	5	5.9
600	1171010079	Lê Đức Thắng	12/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.7	8	7.9	7.5	5	6	6.8	8.5	7.8
601	1171010080	Trương Phúc Thắng	09/10/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8	5	5.9	7	5	5.8	4	1	2.2
602	1171010081	Lê Nhật Thành	07/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	6	6.4	8	6	6.8	6.5	3.5	4.7
603	1171010085	Trương Tấn Hoài Thương	01/02/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	6	6.4	9.3	2	4.9	7.8	7	7.3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Số TC	GDTC3			GDTC2			GDTC1		
							ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10	ĐQT	Đ.Thi	TK10
604	1171010087	Đặng Thị Thanh Thủy	20/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	6	6.4	7.3	4	5.3	6	4.5	5.1
605	1171010089	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	11/08/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	5	5.7	6.3	1	3.1	6.5	6.5	6.5
606	1171010093	Đinh Thùy Trang	08/11/1998	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	6.7	6	6.2	8	5	6.2	7	6.5	6.7
607	1171010094	Võ Thị Thùy Trang	17/08/1999	NGHỆ AN	DH07STOB	3	7	3	4.2	6.8	5	5.7	6	5	5.4
608	1171010095	Đỗ Cao Trí	29/11/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7.3	5	5.7	7.8	7	7.3	6.3	5.5	5.8
609	1171010100	Đỗ Thanh Tùng	24/09/1999	BẮC GIANG	DH07STOB	3	7.3	3	4.3	8.8	7	7.7	6.8	10	8.7
610	1171010104	Nguyễn Ngọc Minh Uyên	28/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8	5	5.9	8	6	6.8	7	4	5.2
611	1171010105	Lê Khánh Tú Uyên	02/09/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	8	6	6.6	7	5	5.8	6.5	2.5	4.1
612	1171010107	Nguyễn Thị Thu Vân	04/07/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7	4	4.9	7	4	5.2	7.5	5.5	6.3
613	1171010108	Nguyễn Thiên Vương	25/04/1997	TP. HCM	DH07STOB	3	6.7	5	5.5	8	7	7.4	5.8	7.5	6.8
614	1171010110	Trần Thị Hà Vy	19/12/1999	ĐỒNG NAI	DH07STOB	3	7	3	4.2	6.8	2	3.9	7.8	5	6.1
1	1171020002	Trần Thị Vân Anh	01/05/1999	ĐỒNG NAI	DH08SHO1	3	5.7	6	5.9	5.8	3	4.1	6.9	3	4.6
2	1171120161	Nguyễn Thị Thảo Vy	10/12/1999	ĐỒNG NAI	DH08STAA	3	4.3	3	3.5	3.8	2	2.7	7.8	7	7.3
3	1171120126	Hoàng Thị Thu Thương	25/08/1999	ĐỒNG NAI	CD43STA1	3	4	3	3.3		5	3.5	7.3	4.5	5.6
4	1171120009	Lê Phương Anh	29/01/1999	LÂM ĐỒNG	CD43STA1	3	7	5	5.6	0	5	3	6.5	6	6.2

NAM

Điểm Tổng kết môn
Miễn
5.6
4.1
4.5
3.3
4.8
5
4.6
4.9
6.1
4.5
7
5.4
6.3
6.1
4.1
5.6
4.7
6.1
4.7
6.6
7
5.8

Điểm Tổng kết môn	
4.6	
4.2	
6.8	
4.2	
5.2	
3.6	
5.5	
4.9	
7	
7	
5	
6.5	
6.2	
5.1	
4.3	
6.7	
5.8	
6.8	
7.6	
4.7	
5.6	
5.9	
5.2	
6.1	
8.1	
6.1	
5.9	
8.5	
5.5	

Điểm Tổng kết môn
5.3
5.9
5.9
5.3
4.8
7.8
6.3
6.8
6.4
7.1
5.7
4.6
6
6.6
5.4
5.3
5.2
5.5
6.5
6.6
5.9
6.3
6.8
6.4
6.5
6.6
6.6
5.3
5.6

Điểm Tổng kết môn
6.1
4.8
5.8
4.7
5.4
7.2
4.9
5.6
5.1
4.2
4.9
4.1
4.7
3.8
6.6
6.2
6
6.1
5.9
6.1
4
4.6
5.8
6.9
4.2
3.8
6.3
5.7
5.5

Điểm Tổng kết môn
6.5
6.1
6
5.9
6.2
4.5
5.1
5.9
5.6
5.8
6.1
5.9
5.7
5.8
5.9
7.6
5.5
5.3
4.3
4.4
4.6
5.3
4.1
5.2
4.8
6
5.7
7.1
5.4

Điểm Tổng kết môn	
5.6	
5.5	
5.4	
5.2	
5	
5.9	
4.3	
5.6	
6.4	
6.2	
6.3	
5.3	
5.6	
7.3	
5.4	
5.8	
5.2	
4.5	
6	
7	
6.7	
5.7	
5.3	
4.8	
6	
4	
3.9	
5.5	
5.7	

Điểm Tổng kết môn	
5.5	
5.4	
6.4	
6.1	
3.4	
6	
5.2	
5.8	
4.7	
5.4	
6.3	
5.8	
5.6	
6.5	
6.5	
5.5	
3.6	
5.5	
5.7	
6.3	
5.7	
8.2	
4.7	
6.5	
5.4	
3.7	
7.1	
6.5	
6.1	

Điểm Tổng kết môn
5.9
7.4
6.7
6.2
7.7
6.9
6.2
5.5
7.2
4.8
4.2
5.3
5.4
5
4.5
5.6
6
5.4
5.6
7
5.9
6.2
5
4.6
6.7
6.3
6.7
4.7
5.9

Điểm Tổng kết môn
5.5
5.5
4.9
5.7
4.5
5
4.9
3.4
4.8
4.8
5.5
5.2
4.4
8.1
5.5
6.2
4.5
3.7
5.8
5.4
6.4
5.9
6
4.4
#N/A
5.3
3.5
7.7
5.2

Điểm Tổng kết môn
8.3
4.3
6
3.3
4.2
5.7
4.9
6
5.7
6.1
3.4
5.4
3.9
4.1
3.1
5
5.9
6.2
7.4
4.8
4.9
5.5
4.2
5.5
4.9
6.4
4.5
7
4.2

Điểm Tổng kết môn
3.8
4.4
7.4
5.3
5.2
6.1
5.3
5.7
4.8
4.5
6.2
6.1
4.3
5.7
7.8
4.1
4.8
4.3
4.5
5.2
5.8
5.3
4.9
5.2
5.6
5.5
6.4
5.2
6.7

Điểm Tổng kết môn
5.9
3.7
7
6.2
6.2
4.4
4.8
6.1
5.8
5.3
6.3
4.9
4.3
5.4
4.7
5.3
4.8
5.1
5.3
5
7
7.8
6.5
6.3
6.1
5.9
4.9
5.4
6.9

Điểm Tổng kết môn
7
5.4
6.3
5.6
6.5
4.9
5.7
6.3
7.3
5.8
6.3
6
7.5
7.3
6.7
5.9
6.6
6.7
5.5
7.3
7.8
5.6
5.7
6.3
5.7
6.2
6.8
6.5
7.3

Điểm Tổng kết môn
7.2
7.1
6.1
6.4
7
7
6.5
5.8
5.7
6.3
5.5
7.6
7
6.6
6.4
6
6.7
7.2
7.1
6.6
6.6
6.6
7.1
6.8
7
6.8
6.4
7.4
7.2

Điểm Tổng kết môn
7.5
7.5
6.1
6.5
7.1
5.8
7.1
6.5
6.2
7
6.4
6.6
7.2
7.2
6.4
6.8
6.8
7.3
7
5.7
6.3
4.5
5.6
6.4
6.5
5.6
6.6
6.7
6

Điểm Tổng kết môn
5.8
4.8
5
6
6.5
6.2
6.3
6.6
7.1
6.5
6.6
6.6
5.4
6.7
7.4
6.5
5.6
6
5.8
5.8
6.4
3.5
6
7.5
7
5
6.5
6.9
4.9

Điểm Tổng kết môn
5.9
1.3
6.8
7.1
4.8
7
6.8
7.3
6.9
7
6.6
5.6
4.6
4.6
3
5.7
6
6.5
6.4
7.9
7.7
7.7
6.9
7.3
6.1
6.3
6.6
6.8
6.2

Điểm Tổng kết môn
7
5.1
5.5
4.2
5.3
6.4
6.5
6.3
5.7
6.8
6.1
7.9
6.3
6.1
4.8
5.8
4.3
6.7
5.9
4.9
5.7
6.7
6.3
6.7
6.2
5.2
6.8
6.5
7.4

Điểm Tổng kết môn
5.8
6.2
5.9
7.4
7.1
6.9
5.7
6.2
6.3
6.9
6.2
6.8
6.9
1.4
6
6
5.3
7.2
7.4
6.6
6.6
6.4
8.6
5.6
8.6
5.9
5.8
6.9
6

Điểm Tổng kết môn
5.9
6
5.1
7.2
4.5
6.4
6.4
5.8
5.4
5.1
8.1
6.5
6.7
7.9
7.3
7.2
5.6
5.1
7.1
5.2
6.2
6.1
7.1
6.3
6
4.6
5.1
5.8
5.1

Điểm Tổng kết môn
7.4
4
4.4
3.1
4
6.7
4.1
5.9
3.8
5
6.7
4.2
5.3
6.1
4
6.3
7
3.9
3.5
4.1
6.3
7.3
5.6
6.2
5.5
7.2
4.6
6
6.2

Điểm Tổng kết môn
5.6
5.1
6.4
5.1
6.3
6.9
6
5.5
5.5
6.6
4.7
4.9
4.5
4.1
4.9